

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HS-ST

Ngày: 11- 3- 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Bản;

Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Doanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Dung;

2. Ông Đinh Thanh Hải.

3. Ông Nguyễn Duy Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Chi; Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thanh Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 86/2025/TLST- HS ngày 25 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HS, ngày 25 tháng 02 năm 2026 vụ án được xét xử theo hình thức trực tiếp, trực tuyến công khai; Điểm cầu trung tâm: Hội trường xét xử hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Điểm cầu thành phần: Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh T đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Trung H; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 17/02/1993 tại Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (nay là TDP H, phường T, tỉnh Thái Nguyên); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Bố: Lê Văn S (sinh năm 1972); Mẹ: Lê Thị H1 (sinh năm 1975), Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ là Hoàng Thị T (sinh năm 1995); Có 02 con chung, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Tại Bản án số 55/2014/HSST ngày 24/12/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 04 tháng tù về tội “*Buôn lậu*”. Ngày 27/02/2015 chấp hành xong toàn bộ hình phạt; Tại Bản án số 44/2016/HSST ngày 13/4/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù về tội “*Tàng trữ hàng cấm*”. Đã chấp hành xong toàn bộ hình phạt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/3/2025, đến ngày 14/3/2025 chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh T.

2. Họ và tên: Nguyễn Đình K; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 27/02/1976 tại Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là TDP Đ, phường L, tỉnh Thái Nguyên); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Bố: Nguyễn Đình H2 (sinh năm 1951); Mẹ: Đỗ Thị Đ (sinh năm 1952) Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là Nguyễn Thị H3 (sinh năm 1991); Có 01 con chung, sinh năm 2024.

Tiền án: 01, Tại Bản án số 629/2009/HSPT ngày 29/10/2009 bị Tòa án Phúc thẩm tại Hà Nội xử phạt 20 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Ngày 03/02/2021 chấp hành xong hình phạt tù, đến nay chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/4/2025, đến ngày 27/4/2025 chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh T.

3. Họ và tên: Phan Tiến T1; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 18/4/1996 tại Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xóm L, xã P, tỉnh Thái Nguyên); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không xác định; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Bố: Phan Tiến L (sinh năm 1955, đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1960) Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con út; Có vợ là Trần Thị Tuyết T3 (sinh năm 1998); Có 01 con chung, sinh năm 2024.

Tiền án: 01, Tại Bản án số 29/2015/HSPT ngày 11/3/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt Phan Tiến T1 08 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Ngày 17/4/2025 chấp hành xong khoản án phí, tính đến ngày phạm tội (ngày 05/3/2025) chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2025, đến ngày 11/4/2025 chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh T.

(Các bị cáo đều mặt)

* **Người bào chữa cho bị cáo Lê Trung H:** Luật sư Nguyễn Công G – Văn phòng luật sư Dương Tuấn G1, thuộc đoàn luật sư tỉnh T.

* **Người bào chữa cho bị cáo Phan Tiến T1:** Luật sư Nguyễn Ngọc T4 – Văn phòng L1, thuộc đoàn luật sư tỉnh T.

(Người bào chữa cho 02 bị cáo đều có mặt)

* **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình K:** Luật sư Hoàng Mạnh T5 – Văn phòng L2, thuộc đoàn luật sư thành phố H.

(Vắng mặt – bị cáo từ chối)

* **Người làm chứng:** Nguyễn Văn B, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Xã P, tỉnh Thái Nguyên.

* **Người chứng kiến:**

1. Lê Anh Đ1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ A, phường H, tỉnh Thái Nguyên.

2. Nguyễn Đức C, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ H, phường H, tỉnh Thái Nguyên.

3. Lê Hồng P, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường T, tỉnh Thái Nguyên.

(Tất cả những người làm chứng, người chứng kiến đều vắng mặt)

* **Người tham gia tố tụng khác:** Đồng chí Hoàng Đức T6 - cán bộ dẫn giải trại tạm giam số 2 Công an tỉnh T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 05/3/2025, nhận được nguồn tin báo của quần chúng nhân dân về việc Lê Trung H (sinh năm 1993) trú tại Tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (nay là Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Thái Nguyên) có dấu hiệu của việc mua bán trái phép chất ma túy. Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T tiến hành kiểm tra nhà ở của Lê Trung H. Khi Tổ công tác đến làm việc, H không chấp hành và bỏ chạy, Tổ công tác truy đuổi, bắt giữ được H tại vị trí cách nhà H khoảng 100 mét. Kiểm tra trên người H phát hiện tại cặp quần phía sau H đang mặc có 02 bánh (hình hộp chữ nhật), cùng kích thước 10 x 15 x 2,5cm, bên ngoài được bọc bằng nhiều lớp nilon, bên trong có chứa chất dạng cục màu trắng, nghi là ma túy. Tổ

công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ số vật chứng trên và niêm phong vào túi ký hiệu Q (Bl 11-12; 313). Tại Cơ quan điều tra H khai nhận, nguồn gốc số ma túy nêu trên là H mua của Nguyễn Đình K (sinh năm 1976) trú tại Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là TDP Đ, phường L, tỉnh Thái Nguyên) và Phan Tiến T1 (sinh năm 1996) trú tại xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xóm L, xã P, tỉnh Thái Nguyên).

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành khám xét nơi ở của Lê Trung H. Quá trình khám xét phát hiện thu giữ tài liệu, đồ vật gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone vỏ màu đen (niêm phong trong phong bì ký hiệu D1); 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone vỏ màu vàng (niêm phong trong phong bì ký hiệu D2); 01 căn cước công dân số 019093007156 cấp ngày 01/9/2021, mang tên Lê Trung H; 01 hộp giấy kích thước khoảng 12 x 18 x 06cm, trên mặt hộp ghi “Huân 0852344444”, bên ngoài được dán lớp nilon (Bl 16; 314).

Tại Biên bản cân xác định khối lượng ngày 05/3/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đối với số chất thu giữ của Lê Trung H có trong túi niêm phong ký hiệu Q, xác định: bánh hình hộp chữ nhật thứ nhất có khối lượng là 349,916 gam (toàn bộ số chất này được niêm phong vào phong bì ký hiệu G gửi đi giám định); bánh hình hộp chữ nhật thứ hai có khối lượng là 349,508 gam (toàn bộ số chất này được niêm phong vào phong bì ký hiệu G1 gửi đi giám định) (Bl 316).

Ngày 06/3/2025, chị Hoàng Thị T (vợ của Lê Trung H) giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra 04 thẻ nhớ được gắn trong 04 camera được lắp đặt tại nhà Lê Trung H (Bl 315).

Tại Kết luận giám định số 318/KL-KTHS ngày 14/3/2025 của Phòng K1 (PC09) Công an tỉnh T, kết luận: Số chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu G gửi tới giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng thu giữ ban đầu là 349,916 gam; Số chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu G1 gửi tới giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng thu giữ ban đầu là 349,508 gam. Sau giám định, số ma túy còn lại của mẫu G là 349,896 gam cùng bao gói được niêm phong vào phong bì ký hiệu G; số ma túy còn lại của mẫu G1 là 349,488 gam cùng bao gói được niêm phong vào phong bì ký hiệu G1. Toàn bộ được trả lại cho cơ quan trung cầu giám định (Bl 323-324).

Ngày 28/3/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành cho Lê Trung H và Nguyễn Văn B nhận dạng Phan Tiến T1 và Nguyễn Đình K qua ảnh, kết quả: H và anh B nhận dạng được Nguyễn Đình K và Phan Tiến T1 (Bl 95- 118).

Ngày 05/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành mở kiểm tra nội dung video trong 04 thẻ nhớ thu giữ tại nhà Lê Trung H, kết quả: Từ 01 giờ 25 phút đến 02 giờ 00 phút 30 giây ngày 05/3/2025 có xe taxi BKS 20A - 297.13

(xác định là xe của anh Nguyễn Văn B) đi đến nhà H; xuất hiện người mặc áo phông ngắn tay, quần soóc (xác định là Lê Trung H); người mặc áo phông ngắn tay, quần soóc màu xanh (xác định là Nguyễn Đình K); người mặc áo khoác tối màu, bên trong là áo phông trắng, quần tối màu, đội mũ lưỡi trai màu trắng (xác định là Phan Tiến T1); Tại phòng khách nhà H, T1 đã đưa cho H 01 hộp giấy (T1 xác định có chứa 02 bánh ma túy), H nhận và để tại ghế, tiếp sau đó cất vào túi đeo chéo trên người H (BI 200; 289; 318).

Ngày 05/04/2025, Phan Tiến T1 ra đầu thú và thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. T1 còn khai nhận, anh Nguyễn Văn B là người lái taxi đưa T1 và K đi bán ma túy, nhưng anh B không biết và không liên quan đến việc mua bán ma túy. Khi ra đầu thú, T1 giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu bạc, số Imei 35047259951961, gắn sim có số thuê bao 0987800995 (BI 146).

Quá trình điều tra làm rõ hành vi phạm tội của các bị can như sau:

Ngày 04/3/2025, Lê Trung H liên lạc với Nguyễn Đình K hỏi và thỏa thuận mua của K 02 bánh ma túy (loại Heroine), kiên đồng ý. Sau khi thỏa thuận bán ma túy cho H, K đi đến khu vực đường tròn, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường L, tỉnh Thái nguyên) gặp một người đàn ông không quen biết (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) và mua của người này 02 bánh ma túy (loại Herone) với giá 320.000.000 đồng, với ý định bán lại cho H với giá 380.000.000 đồng. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 05/3/2025, Nguyễn Đình K rủ Phan Tiến T1 cùng mang ma túy đến nhà Lê Trung H để bán, T1 đồng ý và gọi anh Nguyễn Văn B (sinh năm 1970) trú tại xóm D, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xóm D, xã P, tỉnh Thái Nguyên) là người lái taxi đưa K và T1 đi. Trên đường đi, K đưa cho T1 01 hộp giấy có kích thước khoảng 12 x 18 x 06cm, bên trong có 02 bánh ma túy (loại Heroine), khi đến trước cửa nhà H thì T1 cất giấu hộp giấy có chứa ma túy vào trong người và dặn anh B ở ngoài đợi, sau đó T1 và K đi vào nhà H. Tại bàn uống nước trong phòng khách nhà H, K và H thỏa thuận bán cho H 02 bánh ma túy (loại Heroine) với giá là 160.000.000/01 bánh, tổng là 320.000.000 đồng, H mua với mục đích để bán lại cho những người khác kiếm lời, khi nào H bán được số ma túy trên thì sẽ thanh toán tiền cho K. Sau khi thỏa thuận xong, T1 lấy trong người ra 01 hộp giấy, ngoài vỏ hộp có ghi chữ “Huấn 0825344444”, bên trong có 02 bánh ma túy và đưa cho H, H nhận rồi để trên ghế, rồi cất vào trong túi đeo chéo trên người Huấn. Sau khi mua bán ma túy xong, K đi về, còn H và T1 đi lên thành phố L để làm gia hạn hộ chiếu cho H, sau khi làm xong thì T1 ở lại chơi, còn H một mình đi về nhà. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi H đang ở nhà thì bị Công an kiểm tra thu giữ số ma túy như đã nêu ở trên.

Ngày 17/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Đình K. Quá trình khám xét phát hiện thu giữ tài

liệu, đồ vật gồm: 01 căn cước công dân số 019076007495 mang tên Nguyễn Đình K (Bl 225).

Ngày 24/4/2025, Nguyễn Đình K bị bắt theo lệnh truy nã, tại Cơ quan điều tra K khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình và thừa nhận được bán cho Lê Trung H 02 bánh ma túy (loại Heroine) vào ngày 05/3/2025 như đã nêu ở trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ của K tài sản, gồm: 01 điện thoại Iphone 16 Pro max; 01 điện thoại Iphone 13 Pro max; 01 hộ chiếu số P03847246 mang tên Nguyễn Đình K; 01 căn cước công dân số 019076001495 mang tên Nguyễn Đình K.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành mở kiểm tra và trưng cầu giám định những chiếc điện thoại thu giữ được của Lê Trung H, Nguyễn Đình K và Phan Tiến T1, kết quả: không phát hiện có nội dung liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can.

Tại cơ quan điều tra lúc đầu các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên. Lời khai của các bị can là phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tiếp nhận người ra đầu thú, vật chứng thu giữ, nội dung video thu giữ được tại nhà Lê Trung H, kết luận giám định chất ma túy, lời khai người chứng kiến, người làm chứng; Từ ngày 16/10/2025, H khai nhận không có việc mua bán ma túy với K, mà khai rằng 02 bánh hình hộp chữ nhật mà Công an thu giữ là của T1, T1 đưa cho H vào 02 giờ ngày 05/3/2025 trên xe taxi để cầm hộ T1, H không biết bên trong có gì; Hộp giấy T1 đưa vào lúc 01 giờ ngày 05/3/2025 tại phòng khách nhà H, khi mở ra xem thì H thấy bên trong có củ sặc và điện thoại, T1 đưa cho H để nhờ xạc điện thoại hộ, sau đó H đã trả lại cho T1 (Bl 72–73). Từ ngày 16/6/2025, K khai nhận không được bán ma túy cho H, việc K có mặt tại nhà H vào lúc 01 giờ ngày 05/3/2025 là đến để đòi tiền H vay nợ, tại đây K không biết T1 có đưa đồ vật gì cho H không (Bl 283-287). Lời khai này của H và K là không phù hợp với nhau, mâu thuẫn với lời khai trước đó và không phù hợp với lời khai của Phan Tiến T1 và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, việc thay đổi lời khai của H và K chỉ nhằm mục đích che dấu hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng của vụ án:

- 04 thẻ nhớ được lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 Phong bì ký hiệu V (bên trong có vỏ túi nilon và vỏ túi ký hiệu Q); 01 phong bì niêm phong ký hiệu G (bên trong có 349,896 gam Heroine và bao gói cũ); 01 phong bì niêm phong ký hiệu G1 (bên trong có 349,488 gam Heroine và bao gói cũ); 01 hộp giấy; 01 hộ chiếu; 03 căn cước công dân; 05 điện thoại nhãn hiệu Iphone.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: biên bản thu giữ vật chứng, biên bản niêm phong đồ vật bị tạm giữ, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến, người làm chứng và các chứng cứ khác đã thu thập được.

Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Lê Trung H, Nguyễn Đình K, Phan Tiến T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Phân luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án; đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Trung H, Nguyễn Đình K và Phan Tiến T1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025. Xử phạt Lê Trung H 20 năm tù

Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Xử phạt Phan Tiến T1, Nguyễn Đình K mỗi bị cáo 20 năm tù

Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng

Xử lý vật chứng theo quy định pháp luật; Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo: Các luật sư nhất trí với tội danh, điều luật mức hình phạt chính viện kiểm sát đề nghị; Tuy nhiên các luật sư đề nghị hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt bổ sung cho các bị cáo vì gia đình các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, bản thân các bị cáo đối diện mức án có khung hình phạt cao.

Cả 02 bị cáo Lê Trung H, Phan Tiến T1 nhất trí với quan điểm của người bào chữa không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo Nguyễn Đình K không có tranh luận.

Đại diện viện kiểm sát sau khi đối đáp giữ nguyên quan điểm luận tội.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được giảm một phần hình phạt bổ sung

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên và người bào chữa cho các bị cáo đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo Nguyễn Đình K đã có văn bản từ chối luật sư; Tại phiên tòa bị cáo K không yêu cầu người bào chữa bị cáo xác định tội danh đã rõ nên bị cáo không cần người bào chữa mà tự bào chữa cho mình tại tòa; xét đây là quyền của bị cáo nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị cáo.

Tại phiên tòa vắng mặt người chứng kiến và những người làm chứng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tại tòa các bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của những người này, đại diện Viện kiểm sát tỉnh Thái Nguyên đề nghị xét xử vắng mặt, việc xét xử vắng mặt không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không trở ngại cho việc xét xử. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292, 293, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Mặc dù trong giai đoạn tố tụng các bị cáo Lê Trung H, Nguyễn Đình K thay đổi lời khai tuy nhiên tại phiên tòa tất cả các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo thống nhất phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào hồi 02 giờ 00 phút ngày 05/3/2025, tại nhà ở của Lê Trung H thuộc Tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Thái nguyên (nay là Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Thái Nguyên), Nguyễn Đình K và Phan Tiến T1 đã bán trái phép chất ma túy (loại Heroine) cho Lê Trung H với số lượng 02 bánh, có tổng khối lượng là 699,424 gam, với giá là 320.000.000 đồng (nhưng H chưa trả tiền), H mua với mục đích để bán lại cho những người khác kiếm lời. Sau khi mua được ma túy, H chưa kịp bán thì bị phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Hành vi của các bị cáo Lê Trung H, Nguyễn Đình K, Phan Tiến T1 đủ yếu tố cấu thành của tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 như sau:

“Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 20 năm hoặc tù chung thân.

...

b) Heroine,... có khối lượng từ 100 gam đến dưới 03 kilogam.

...

6) Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Trung H, Nguyễn Đình K, Phan Tiến T1 là đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội gây mất an ninh trật tự tại địa phương vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cả 03 bị cáo được hưởng tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; trong giai đoạn điều tra bị cáo Phan Tiến T1 đã ra cơ quan chức năng đầu thú nên bị cáo T1 được hưởng tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Lê Trung H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đình K, Phan Tiến T1 phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm sự “*Tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hành vi của các bị cáo nhằm mục đích thu lời bất chính nên cần phạt bổ sung đối với cả 03 bị cáo.

[6] Vật chứng vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ còn lại sau giám định và các bì niêm phong. Tạm giữ đảm bảo thi hành án 05 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo không trực tiếp liên quan đến hành vi phạm tội. Trả lại cho các bị cáo thẻ căn cước, hộ chiếu là giấy tờ tùy thân của các bị cáo để các bị cáo quản lý sử dụng.

[8] Về án phí: Các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với 03 bị cáo về hình phạt chính, điều luật áp dụng có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

[10] Liên quan trong vụ án quá trình giải quyết vụ án: Có anh Nguyễn Văn B là người lái xe taxi chở Nguyễn Đình K và Phan Tiến T1 đi bán ma túy. Tuy nhiên, anh B không biết và không liên quan đến việc bán ma túy của K và T1, do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm của anh B xét thấy là có căn cứ. Về nguồn gốc số ma túy, Nguyễn Đình K khai là mua của một người nam giới không quen biết (không rõ họ tên, địa chỉ), quá trình điều tra không xác định được đối tượng. Vì vậy, không đủ căn cứ để điều tra, xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Trung H, Nguyễn Đình K, Phan Tiến T1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

1. Về hình phạt:

1.1. Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 6 Điều 251 điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Trung H 20 (Hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2025. Phạt bổ sung 05 triệu đồng

1.2. Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình K 20 (Hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2025. Phạt bổ sung 05 triệu đồng

1.3. Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Phan Tiến T1 20 (Hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2025. Phạt bổ sung 05 triệu đồng

Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam các bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Tịch thu, tiêu hủy gồm:

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu V trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên các thành phần tham gia bên trong có các vỏ túi nilon và vỏ túi niêm phong ký hiệu Q.

+ 01 (một) hộp giấy có kích thước khoảng 12x18x6cm trên mặt hộp giấy có ghi: Huấn 0825344444.

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu G bên trong có 349,896 gam (ba trăm bốn mươi chín phẩy tám trăm chín mươi sáu) Heroine và vỏ bao gói cũ.

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu G1 bên trong có 349,488 gam (ba trăm bốn mươi chín phẩy bốn trăm tám mươi tám) Heroine và vỏ bao gói cũ.

2.2. Trả lại cho các bị cáo:

+ Nguyễn Đình K 01 (một) căn cước công dân số 019076001495 mang tên Nguyễn Đình K do Cục CSQLHS về TTXH cấp ngày 14/4/2023; 01 (một) căn cước công dân số 019076001495 mang tên Nguyễn Đình K do Cục CSQLHS về TTXH cấp ngày 16/4/2021; 01 (một) hộ chiếu số P03847246 mang tên Nguyễn Đình K.

+ Lê Trung H: 01 (một) căn cước công dân số 019093007156 mang tên Lê Trung H do Cục CSQLHS về TTXH cấp ngày 01/9/2021;

2.3. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

+ Cửa Phan Tiến T1 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T1 bên trong có 01 (một) điện thoại di động iPhone 16 Pro Max, có số IMEI: 350970404656316; IMEI2: 350970402971923.

+ Lê Trung H 01 (một) niêm phong ký hiệu D1 bên trong có 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen; 01 (một) niêm phong ký hiệu D2 bên trong có 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng.

+ Nguyễn Đình K 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T2 bên trong có 01 (một) điện thoại di động iPhone 13 Pro Max, số máy: A2643, có số IMEI: 351596240447948; IMEI2: 351596240114746; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T3 bên trong có 01 (một) điện thoại di động iPhone 13 Pro Max, số máy: A2643, có số IMEI: 350472594951961; IMEI2: 350472594776905.

(Tình trạng vật chứng như biên bản về việc giao nhận vật chứng số 26 ngày 26/12/2025 giữa Cơ quanĐT Công an tỉnh T với Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Trung H, Nguyễn Đình K, Phan Tiến T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm 1;
- Viện phúc thẩm 1;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu: HS vụ án, Tòa Hình sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Bản